TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2017/HSST
Ngày 05-7-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Dũng

2. Ông Hoàng Minh Hải

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Dương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hanh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, Tòa án nhân dân huyện Đắk Song mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2017/HSST, ngày 02 tháng 6 năm 2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/HSST-QĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Lê Trọng Q, sinh năm 1972 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 9/12; con ông Lê Trọng T và bà Lê Thị N; có vợ là Võ Thị T và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002 và con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

2. Thái Hữu C, sinh năm 1979 tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 8/12; con ông Thái Hữu K và bà Nguyễn Thị K; có vợ là Dương Thị T và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003 và con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

3. Phan Văn T (tên gọi khác: T. C), sinh năm 1971 tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 11/12; con ông Phan Văn T và bà Hoàng Thị N; có vợ là Nguyễn Thị T và 05 con, con

lớn nhất sinh năm 2001 và con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt

-*Nguyên đơn dân sự:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại (TNHH TM) và dịch vụ L.

Địa chỉ: 594 đường L, Quận T, thành phố Hồ chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Văn Hùng-c/v: Giám đốc-vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Ông Trần Văn Nghĩa-vắng mặt.

Trú tại: Thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

2/ Ông Trần Xuân Nhân-vắng mặt.

Trú tại: Thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

3/ Ông Lê Văn Thông-vắng mặt.

Trú tại: Thôn 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông

4/ Ông Lê Đình H-vắng mặt.

Trú tại: Tổ 10, P. N, TX. G, tỉnh Đăk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2015, Lê Trọng Q mua trái phép 03 lô đất rừng liền kề nhau với tổng diện tích khoảng 3,5 ha tại lô 14, 15, 16 khoảnh 9, tiểu khu 1616, thuộc quản lý của Công ty TNHH-MTV Đăk N'Tao là 21.584 m^2 và Công ty TNHHTM và Dịch vụ L là 13.824 m^2. Trong đó, Q mua của các đối tượng gồm: Trần Văn N, Trần Xuân N, Lê Văn T với tổng diện tích là 10.663m^2 (trong đó: 8.637m^2 đất rừng có cây rừng bị hủy hoại trước đó, chỉ có cây chồi, cây bụi, cây đường kính 10cm đến 30cm và 2.026m^2 đất còn cây rừng tự nhiên); Q mua của Lê Đình H tổng diện tích là 4.043m^2 đều là đất rừng đã bị hủy hoại trước đó và mua của Phan Văn C (chưa rõ nhân thân lai lịch) với tổng diện tích là 20.701m^2, (trong đó: 16.781 m^2 đất rừng có cây rừng bị hủy hoại trước đó, chỉ có cây chồi, cây bụi, cây đường kính nhỏ và 3.920m^2 đất còn cây rừng tự nhiên). Đối với diện tích rừng đã mua thì phía dưới từ suối lên là còn cây rừng tự nhiên xanh tươi, còn phía trên rừng đã bị hủy hoại. Đến tháng 02 năm 2016, Q nảy sinh ý định hủy hoại luôn phần rừng tự nhiên phía dưới để mở rộng lấy đất làm rẫy, Q đã thuê đối tượng Võ Minh K (thường gọi là K "què" chưa rõ nhân thân, lai lịch) để phát cây bụi, cây chồi ở phía diện tích rừng đã bị hủy hoại và phát rong các cây dây leo và cây rừng thân gỗ có đường kính từ khoảng 10cm trở xuống với số tiền 36.000.000 đồng, K dùng dao phát, chặt, phát cây bụi, cây dây leo, cây chồi cho đến khoảng đầu tháng 03 năm 2016 thì làm xong. Sau đó, Q tiếp tục thuê Phan Văn T vào cưa hạ các cây rừng còn lại ở diện tích rừng tự nhiên nói trên thì T đồng ý. Ngày đầu tiên Q và T mang cưa máy vào làm được khoảng 01 giờ thì cưa hạ cây rừng trong diện tích 671m^2. Hôm sau, T nói với Q để T rủ thêm

Thái Hữu C cùng T cưa hạ diện rừng trên cho Q thì Q đồng ý. Sau đó T gọi điện thuê C đi làm cùng, C đồng ý. Các ngày sau đó, T và C sử dụng cưa máy cầm tay (cưa xăng) cưa hạ cây rừng ở đám rừng trên cho Q. Khi các đối tượng cưa hạ cây rừng thì Q đứng trên đường cảnh giới hoặc thỉnh thoảng vào thay T, C trực tiếp cưa hạ cây rừng.

Cụ thể các đối tượng hủy hoại rừng như sau:

Vào đầu tháng 03 năm 2016, ngày thứ nhất: khoảng từ 08 đến 09 giờ sáng, Q và T mang cưa máy (cưa xăng) vào cưa hạ cây rừng ở diện tích rừng tự nhiên, phía dưới chân đám rẫy mà Q mua lại của Trần Văn N, Trần Xuân N, Lê Văn T. Cưa cắt cây rừng có đường kính từ 10 đến 30cm, làm được khoảng 01 giờ, cưa hạ cây rừng được diện tích 671m^2 thì nghỉ.

Ngày thứ 2: buổi sáng bắt đầu cưa hạ cây rừng từ khoảng 08 giờ đến 11 giờ, Q, T, C thay phiên nhau dùng cưa xăng cắt gốc đa, buổi chiều từ lúc khoảng 15 giờ đến 17 giờ, Q, T, C thay phiên nhau cưa hạ cây rừng ở diện tích rừng tiếp vị trí diện tích rừng 671m^2 mà T với Q cưa hạ ngày hôm trước.

Ngày thứ 3: Q, T, C tiếp tục vào diện tích rừng này để tiếp tục cưa hạ cây từ lúc 08 giờ sáng, khi đang làm được khoảng 30 phút thì bị nhân viên QLBVR công ty TNHHMTV Đ phát hiện, lập biên bản nên các đối tượng nghỉ không cưa hạ nữa.

Ngày thứ 4: Q không làm, chỉ có T và C thay phiên nhau cưa hạ cây rừng từ lúc 10 giờ đến 12 giờ nghỉ ăn trưa, buổi chiều bắt đầu làm từ khoảng 15 giờ đến 17 giờ thì cưa hạ xong đám rừng này.

Sau khi cưa hạ xong diện tích rừng trên, Lê Trọng Q đã trả tiền công hủy hoại rừng cho Phan Văn T là 8.000.000 đồng và cho thêm T 2.000.000 đồng, T trả tiền công cho C 4.000.000 đồng.

Phần diện tích đất rừng phía trên mà Q mua của N, N, T còn sót lại một số cây rừng đường kính từ 10 cm đến 17 cm thì sau này Q đã cưa hạ rồi dọn thân cây rừng đào hố trồng tiêu và cây bông gòn trên đất.

Kết quả khám nghiệm hiện trường và giám định đã xác định diện tích rừng mà Q, T và C đã hủy hoại là 5.912m^2 (năm ngàn chín trăm mười hai mét vuông). Trong đó có diện tích rừng mà C tham gia hủy hoại là 5.241 m^2 (năm ngàn hai trăm bốn mươi mốt mét vuông) rừng sản xuất do Công ty TNHHTM và Dịch vụ L quản lý.

Tại bản kết luận giám định số 06 ngày 24/9/2016, của giám định viên Hà Phú Hùng (giám định viên tư pháp lĩnh vực lâm nghiệp thuộc Hạt kiểm lâm huyện Đ) xác định: diện tích rừng bị hủy hoại là: 5.912 m^2 thuộc lô 15, khoảnh 9 tiểu khu 1616 do Công ty TNHHTM và Dịch vụ L quản lý là rừng sản xuất, mức độ thiệt hại 100%, giá trị thiệt hại về rừng và môi trường: 33.451.926 đồng *(Ba mươi ba triệu bốn trăm năm mươi mốt nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng).*

Tại bản kết luận giám định số 06 ngày 03/05/2017 của giám định viên Hà Phú Hùng (giám định viên tư pháp lĩnh vực lâm nghiệp thuộc Hạt kiểm lâm huyện Đ) xác định: diện tích rừng bị hủy hoại là: 617 m^2 (trong tổng số 5.912 m^2) thuộc lô 15, khoảnh 9 tiểu khu 1616 doCông ty TNHHTM và Dịch vụ L quản lý là rừng sản xuất,

mức độ thiệt hại 100%, giá trị thiệt hại về rừng và môi trường: 3.796.725 đồng *(Ba triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng).*

Như vậy Lê Trọng Q và Phan Văn T tham gia hủy hoại rừng với diện tích là 5.912 m^2, tương đương thiệt hại về rừng và môi trường: 33.451.926 đồng; Thái Hữu C tham gia hủy hoại rừng với diện tích là 5.295m^2 tương đương thiệt hại về rừng và môi trường: 29.745.201 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 32/CTr - VKS ngày 31 tháng 5 năm 2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song đã truy tố các bị cáo Lê Trọng Q, Thái Hữu C, Phan Văn T về tội "Hủy hoại rừng" quy định tại khoản 1 Điều 189 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên toà, đại diện VKS nhân dân huyện Đắk Song giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 189; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS (riêng bị cáo Q áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 46 BLHS), xử phạt bị cáo Lê Trọng Q, Phan Văn T, Thái Hữu C mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS; khoản 2 Điều 606; Điều 608 BLDS năm 2005-đề nghị buộc các bị cáo Lê Trọng Q, Phan Văn T, Thái Hữu C phải liên đới bồi thường thiệt hại về lâm sản (gỗ) và môi trường với số tiền là 33.451.926 đồng cho công ty TNHHTM và Dịch vụ L.

Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 BLHS; khoản 2 Điều 76 BLTTHS, đề nghị tịch thu sung Công quỹ Nhà nước 01 (một) cưa xăng hiệu STIHL màu đỏ trắng đã qua sử dụng, không có lam, sên; 01 (một) cưa xăng không rõ nhãn mác, không có lam, sên đã qua sử dụng mà các bị can Lê Trọng Q, Thái Hữu C và Phan Văn T đã sử dụng vào việc phạm tội.

Đề nghị truy thu của các bị can Thái Hữu C 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng)* và Phan Văn T số tiền 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng)* để sung vào công quỹ Nhà nước do có được từ việc phạm tội.

Tại phiên toà các bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên toà sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, muốn có đất để làm rẫy nên trong khoảng thời gian từ đầu tháng 02 năm 2016 đến đầu tháng 3 năm 2016, Lê Trọng Q đã thuê Phan Văn T và Thái Hữu C vào khu vực thuộc lô 15, khoảnh 9 tiểu khu 1616 thuộc thôn 10, xã Nâm N`jang, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông do Công ty TNHHTM và Dịch vụ L quản lý, dùng cưa xăng, dao phát hủy hoại tổng diện tích 5.912 m^2 thuộc rừng sản xuất (rừng tự nhiên), mức độ thiệt hại 100%, tổng giá trị thiệt hại về lâm sản (gỗ) và môi trường là 33.451.926 đồng. (Trong đó phần diện tích rừng 617 m^2 trước khi Thái Hữu C tham gia do Lê Trọng Q và Phan Văn T hủy hoại giá trị thiệt hại là 3.796.725 đồng; Thái Hữu C tham gia hủy hoại rừng với diện tích là 5.295m^2 tương đương thiệt hại về rừng và môi trường: 29.745.201 đồng). Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 20 Nghị định 157/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản thì hành vi chặt phá trái phép 5.912 m^2 rừng sản xuất của các bị cáo đã vượt trên mức tối đa xử phạt hành chính nên chuyển xử lý hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo Lê Trọng Q, Phan Văn T và Thái Hữu C đã đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại khoản 1 Điều 189 của BLHS.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song truy tố các bị cáo về tội "Hủy hoại rừng" theo khoản 1 điều 189 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác huỷ hoại rừng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

2...

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý rừng của Nhà nước, xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, gây ra những hậu quả khác cho đời sống xã hội, thiệt hại đến tài nguyên rừng quốc gia. Các bị cáo là người có đầy đủ nhận thức để biết được việc phá rừng là vi phạm pháp luật, nhưng với ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, xét thấy cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Trong vụ án này có nhiều bị cáo và đối tượng tham gia, tuy nhiên hành vi của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn không mang tính tổ

chức, nhưng cần xét đến vai trò của từng bị cáo trong vụ án mới có sự phân hóa về hình phạt phù hợp. Bị cáo Lê Trọng Q là người mua trái phép 03 lô đất rừng và thuê các bị cáo Thái Hữu C, Phan Văn T cùng tham gia hủy hoại rừng nên bị cáo là người giữ vai trò cao nhất trong vụ án này; bị cáo Thái Hữu C, Phan Văn T là những người được thuê phá rừng, tuy nhiên diện tích rừng bị cáo C tham gia hủy hoại ít hơn diện tích rừng bị cáo T và bị cáo Q hủy hoại. Nên vai trò của bị cáo C là hạn chế hơn so với bị cáo T và Q.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Lê Trọng Q, Phan Văn T, Thái Hữu C đã liên đới bồi thường cho Công ty TNHHTM và dịch vụ L với số tiền 33.451.926 đồng, bị cáo Phan Văn T tự nguyện nộp 10.000.000 đồng tiền khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Bị cáo Lê Trọng Q được Ban chấp hành hội nông dân tỉnh Đăk Nông tặng bằng khen đã có nhiều thành tích trong phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, bị cáo có bố là Lê Trọng Tđược tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất; có mẹ là Lê Thị N được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bị cáo T và C có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46 của BLHS, HĐXX sẽ áp dụng trong khi Q định hình phạt đối với 3 bị cáo (Riêng bị cáo Q áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 46 BLHS).

[5] Xét thấy, các bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm, chưa bao giờ bị kết án, bị xử lý vi phạm hành chính. Đối với lần phạm tội này, diện tích rừng mà các bị cáo hủy hoại không lớn. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS. Bị cáo Q có 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS; 01 tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS; các bị cáo Phan Văn T, Thái Hữu C có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS. Mặc dù, trong vụ án này, bị cáo Q tham gia với vai trò cao nhất nhưng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo T. Do đó cần xử phạt bị cáo Q mức hình phạt bằng mức hình phạt của bị cáo T và cao hơn mức hình phạt của bị cáo C. HĐXX nghĩ không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo tự học tập, cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Xét đề nghị về mức hình phạt của vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa đề nghị đối với bị cáo Q, bị cáo T là phù hợp nên HĐXX chấp nhận. Riêng mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo C là có phần nghiêm khắc và chưa tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo. Do

đó, HĐXX xét xử sẽ xử phạt mức hình phạt cho bị cáo thấp hơn mức hình phạt mà vị đại diện VKS đề nghị.

[7] Đối với việc bị cáo Lê Trọng Q dùng cưa xăng cưa hạ 10 cây rừng tái sinh, đường kính từ 10-17 cm trên diện tích đất mua lại của Trần Văn N, Trần Xuân N, Lê Văn T. Do các cây rừng trên đứng rãi rác không thành rừng, các gốc và cây đã bị đốt cháy và đào hố trồng tiêu nên giám định viên tư pháp trong lĩnh vực kiểm lâm kết luận không có có cơ sở xác định mức độ thiệt hại về lâm sản và môi trường đối với hành vi cưa hạ cây rừng trên của Lê Trọng Q. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý đối với Lê Trọng Q với phần cưa hạ cây rừng của phần diện tích đất rừng này.

Đối với Võ Minh K (K què), quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch nên cơ quan CSĐT- Công an huyện Đắk Song tách ra tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xử lý sau là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với hành vi bán đất rừng của Trần Văn N, Trần Xuân N, Lê Văn T, Lê Đình H, Phan Văn C (chưa rõ nhân thân lai lịch), vi phạm các quy định về sử dụng đất đai, vi phạm Nghị định 102/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai nên Cơ quan CSĐT đã tách ra, đồng thời ban hành công văn thông báo và chuyển tài liệu có liên quan đến UBND xã N xử lý theo thẩm quyền là phù hợp nên cần chấp nhận.

[8] *Về trách nhiệm dân sự:* Nguyên đơn dân sự Công ty TNHH TM và dịch vụ L có đơn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 33.451.926đ đồng. Các bị cáo đã liên đới bồi thường toàn bộ số tiền trên, đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song theo biên lai số 002801 ngày 12 tháng 5 năm 2017. Xét việc tự nguyện bồi thường của các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[9] *Về Hình phạt bổ sung:* Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Q, HĐXX xét thấy cần áp dụng khoản 4 Điều 189 BLHS, phạt bổ sung bị cáo Q 5.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Đối với bị cáo T và bị cáo C, do các bị cáo chỉ là người đi làm thuê và các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên có căn cứ không áp dụng hình phạt bổ sung đối với 02 bị cáo.

[10] *Về xử lý vật chứng vụ án:* Đối với 01 (một) cưa xăng hiệu STIHL màu đỏ trắng đã qua sử dụng, không có lam, sên; 01 (một) cưa xăng không rõ nhãn mác, không có lam, sên đã qua sử dụng mà các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[11] Đối với số tiền 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng)* của bị cáo Thái Hữu C và 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng)* của bị cáo Phạm Văn T do thực hiện hành vi phạm tội mà có cần truy thu sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* mà bị cáo Phan Văn T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song theo biên lai số 002805 ngày 09 tháng 6 năm 2017 cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[12] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] *Về quyền kháng cáo*: các bị cáo và người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Trọng Q, Phan Văn T, Thái Hữu C phạm tội "Hủy hoại rừng".

Áp dụng khoản 1 Điều 189; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS đối với các bị cáo Lê Trọng Q, Phạm Văn T, Thái Hữu C; áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 46 BLHS đối với bị cáo Lê Trọng Q.

Xử phạt bị cáo Lê Trọng Q 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/7/2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/7/2017.

Xử phạt bị cáo Thái Hữu C 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/7/2017.

Giao các bị cáo Lê Trọng Q, Phan Văn T, Thái Hữu C cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 189 BLHS, phạt bị cáo Lê Trọng Q 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* sung quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS; Điều 608; Điều 616 BLDS năm 2005- chấp nhận việc tự nguyện bồi thường của các bị cáo Lê Trọng Q, Phan Văn T, Thái Hữu C cho Công ty TNHHMTV và dịch vụ L số tiền 33.451.926đ *(Ba mươi ba triệu bốn trăm năm mươi mốt nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng)*. (Hiện số tiền này đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Song theo biên lai số 002801 ngày 12 tháng 5 năm 2017)

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 BLHS; Căn cứ khoản 2 Điều 76 BLTTHS, tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) cưa xăng hiệu STIHL màu đỏ trắng đã qua sử dụng, không có lam, sên; 01 (một) cưa xăng không rõ nhãn mác, không có lam, sên. *(Đặc điểm các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/6/2017 giữa cơ quan CSĐT Công an huyện Đ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Song).*

Truy thu của các bị cáo Thái Hữu C 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng)* và Phan Văn T số tiền 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng)* để sung vào quỹ Nhà nước. Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* mà bị cáo Phan Văn T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song theo biên lai số 002805 ngày 09 tháng 6 năm 2017 để đảm bảo công tác thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 98; Điều 99 BLTTHS; Điều 23; Điều 26 Nghị Q số 326/2016 ngày 30/12/2017 về phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Trọng Q, Phan Văn T, Thái Hữu C mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án..

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và lợi ích của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Nông;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;*
- *Phòng PV 27 CA tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Công an huyện Đ;*
- *Chi cục THA DS huyện Đ;*
- *Các Bị cáo;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HẢI ÂU

Ngày 19/01/2017, Hồ Văn Dương đến nhà chị Chu Thị Tươi (sinh năm: 1972, trú tại Thôn Đăk Kual5, xã Đăk NDRung, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông là dì ruột của Hồ Văn Dương) chơi và ở lại nhà chị Tươi. Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 28/01/2017, khi chị Tươi đi chùa, Dương ở nhà nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong nhà chị Tươi nên Dương lại thùng đồ sửa chữa máy ở trên phòng khách, lấy một mỏ lết dài 20cm, đi vào phòng ngủ của gia đình chị Tươi, rồi dùng mỏ lết vặn ốc phía sau chiếc thùng gỗ có kích thước 80x40x40 cm để tìm tài sản, nhưng không thấy tài sản gì có giá trị, chỉ thấy một giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 49F9 - 3770 (là giấy đăng ký xe gắn máy chị Tươi đang sử dụng mang tên chủ sở hữu cũ là Phan Minh Thọ, trú tại 144/21 Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng), Dương nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của chị Tươi, nên đã lấy giấy đăng ký xe 49F9 - 3770 giấu đi để khi lấy được xe của chị Tươi sẽ đem đi bán. Khoảng 17 giờ cùng ngày khi chị Tươi về thì Dương hỏi mượn xe máy nhãn hiệu GUANGTA, biển kiểm soát 49F9 - 3770 của chị Tươi nói là đi công việc nhưng mục đích là lấy mang đi bán, tuy nhiên chị Tươi không đồng ý cho Dương mượn xe nên Dương đợi khi chị Tươi vào phòng tắm thì lén lút lại áo khoác của chị Tươi treo ở bếp lấy chìa khóa xe, rồi lại đẩy xe ra ngõ rồi nổ máy chạy lên thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông. Ngày hôm sau Dương mang xe đến cửa hàng cầm đồ Lộc Phát của anh Nguyễn Văn Lộc (sinh năm: 1974, trú tại tổ 2, phường N, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông) cầm cố chiếc xe với số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm nghìn đồng). Đến ngày 06/02/2017, Dương quay lại bán chiếc xe trên cho anh Lộc với giá 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Ngày 24/02/2017, Công an huyện Đ đã triệu tập Dương lên làm việc, Dương đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, từ lời khai của Dương cơ quan CSĐT đã thu hồi được chiếc xe cùng giấy tờ xe mà Dương trộm cắp nói trên.(BL 140-141)

Tại bản kết luận định giá trong tố tụng hình sự số 10/HĐ-ĐG, ngày 24/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: giá trị thiệt hại

tính thành tiền của chiếc xe máy nhãn hiệu GUANGTA màu nâu, số khung: 002198, số máy: 30002198, biển kiểm soát 49T9 – 3770 là 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*.

Về vật chứng của vụ án:

- 01(một) xe máy nhãn hiệu GUANGTA, biển kiểm soát 49F9- 3770 và 01 giấy phép đăng ký xe. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của chị Chu Thị Tươi mua lại tại cửa hàng xe máy Phượng Hoàng do anh Đoàn Ngọc Hoàng (sinh năm 1978, trú tại số 18, đường Cao Thắng, Phường 7, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng) bán vào năm 2010 với giá 10.000.000đ. Qúa trình làm việc anh Hoàng khai nhận trước đây anh Hoàng mua chiếc xe máy từ anh Phan Minh Thọ (chủ xe) nhưng không sang tên đổi chủ, sau này anh Hoàng bán lại xe cho chị Tươi. Quá trình xác minh thấy anh Thọ đã bỏ đi khỏi địa phương từ khoảng năm 2010, chính quyền địa phương không rõ anh Thọ đi đâu nên chưa làm việc được, quá trình xác minh tại địa phương xác định chiếc xe trên không liên quan đến vụ việc vi phạm pháp luật nào. Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được thấy đây là tài sản của chị Chu Thị Tươi không có tranh chấp với ai khác nên Cơ quan CSĐT đã ra Q định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe, và giấy tờ xe cho chị Tươi.

- 01(một) mỏ lết bằng kim loại màu đen dài 20 cm, cán rộng 2,0 cm, mũi rộng 5,0cm, dày 0,7cm. Đây là tài sản của chị Chu Thị Tươi nên cơ quan CSĐT đã ra Q định xử lý vật chứng trả lại cho chị tươi.

Về trách nhiệm dân sự:

Hiện chị Chu Thị Tươi không yêu cầu bị can phải bồi thường thiệt hại nên không đề cập xử lý.

Quá đình điều tra anh Nguyễn Văn Lộc yêu cầu bồi thường 2.700.000 đồng, đây là số tiền mà Dương đã bán chiếc xe máy chiếm đoạt cho anh Lộc nên cần buộc bị can phải chịu bồi thường cho người bị hại theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tình tiết và chứng cứ nêu trên đã có đủ cơ sở:

KẾT LUẬN

Khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 28/01/2017, tại nhà chị Chu Thị Tươi ở thôn Đăk Kual 5, xã Đăk NDrung, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Hồ Văn Dương đã lợi dụng sơ hở trong việc trông coi tài sản của chị Tươi, lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu GUANGTA màu nâu, biển kiểm soát 49T9 - 3770 và 01 Giấy đăng kí xe máy số 009116, biển kiểm soát 49T9- 3770 trị giá 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) thì bị phát hiện và bắt giữ.

Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định bị can có lý lịch dưới đây phạm tội như sau:

Họ và tên: Hồ Văn Dương Giới tính: Nam

Tên gọi khác: Không.

Sinh năm: 1988 tại: tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ĐKHKTT: thôn Đồng Tiến, xã Đăk Nia, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông.

Chỗ ở: thôn Đồng Tiến, xã Đăk Nia, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hóa: 9/12.

Nghề nghiệp: Làm nông.

Con ông: Hồ T Trường, sinh năm 1965.

Con bà: Chu Thị Khánh, sinh năm 1965.

Hiện cùng sống và làm nông tại: thôn Đồng Tiến, xã Đăk Nia, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông.

Bị can là con duy nhất trong gia đình.

Bị can có vợ: Bùi Thị Phương, sinh năm 1990.

Nghề nghiệp: Làm Nông.

Hiện đang đã bỏ đi khỏi địa phương.

Bị can có 02 con. Con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2010.

Hiện sinh sống và đi học tại thôn Đồng Tiến, xã Đăk Nia, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông.

Tiền án; Tiền sự: không.

Về nhân thân:

Từ năm 2000 đến nay sinh sống và làm nông cùng gia đình tại thôn Đồng Tiến, xã Đăk Nia, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông.

Ngày 28/01/2017, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác tại thôn Đăk Kual 5, xã Đăk NDrung, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Ngày 24/02/2017 bị Công an xã Đăk Nia, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

Ngày 24/02/2017 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ bắt khẩn cấp đưa vào tạm giữ. Đến ngày 02/03/2017 khởi tố, chuyển tạm giam về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại Điều 138 BLHS. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Đăk Nông, chờ xử lý.

Hành vi phạm tội nêu trên của bị can Hồ Văn Dương đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định xử phạt tại khoản 1 Điều 138 của BLHS.

Điều 138 Bộ luật hình sự quy định: Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2...

Vì những lẽ trên:

Q ĐỊNH

1.Truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Đ, để xét xử bị can Hồ Văn Dương, về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự .

2.Về biện pháp tư pháp:

2.1.Về vật chứng: áp dụng khoản 2 Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS, đề nghị chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ trả lại 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu GUANGTA màu nâu, số khung: 002198, số máy:30002198, biển kiểm soát 49T9 – 3770 cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Chu Thị Tươi ở thôn Đăk Kual 5, xã Đăk NDrung, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

2.2.Về trách nhiệm dân sự: chị Chu Thị Tươi không yêu cầu bị can phải bồi thường thiệt hại nên không đề cập xử lý.

Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS, Điều 585, Điều 586, Điều 589 BLDS đề nghị buộc Hồ Văn Dương bồi thường 2.700.000 đồng, cho người bị hại là anh Nguyễn Văn Lộc.

Kèm theo cáo trạng gồm có:

+ Hồ sơ vụ án gồm có … tập …. trang, được đánh số thứ tự từ 01 đến ……

+ Danh sách những người yêu cầu triệu tập đến phiên tòa.